

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
Trụ sở chính: 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Điện thoại: 02543.838423 - 02543.838426  
Fax: 02543.838422  
Email: idicoconac@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **VŨ ANH TUẤN**

Số căn cứ: 026073001551, ngày cấp 15/11/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ: 40/6/7 Lê Hồng Phong, F4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: di động: 0913755579; cơ quan: 02543.838423

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO thông báo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

*(Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: *NMM*

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Giám đốc Cty;
- VPTH, TCKT.

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**Người thực hiện công bố thông tin**



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Anh Tuấn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 42

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021 là: 99.999.920.000 VND (Chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng), được chia thành 9.999.992 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2021)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 23/4/2021)

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuyên Chiêu	Thành viên
Ông Trần Quang Duy	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Lê Thanh Tùng**

**Giám đốc**

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 3 năm 2022

Số: 71/2022/BCKT- CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Các Cổ đông,**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO, được lập ngày 05/3/2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

197  
TY  
KH  
TOÁN  
ĐIỂN  
NC

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



A blue handwritten signature, likely belonging to Vũ Xuân Hùng, written in a cursive style.

**Lưu Minh Tới**  
**Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1  
*Giấy Ủy quyền số: 06/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**  
*Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2022*

**Vũ Xuân Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>738.584.303.304</b>	<b>853.384.784.866</b>
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.939.715.233	12.179.651.996
1. Tiền	111		21.939.715.233	12.179.651.996
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		576.872.000.000	700.676.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	566.196.000.000	690.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.323.900.677	93.017.937.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	53.729.327.525	37.181.276.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	23.001.146.536	25.588.332.074
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	28.473.325.321	31.761.001.695
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(879.898.705)	(1.512.672.759)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	35.211.086.048	47.158.503.750
1. Hàng tồn kho	141		35.211.086.048	47.158.503.750
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		237.601.346	352.691.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	63.579.363	85.319.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		129.666.914	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	44.355.069	267.371.255
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>563.334.397.433</b>	<b>452.687.049.712</b>
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		381.251.505.646	395.237.700.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	119.785.756.171	128.607.910.974
- Nguyên giá	222		195.488.508.576	195.055.573.318
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.702.752.405)	(66.447.662.344)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	261.465.749.475	266.629.789.419
- Nguyên giá	228		315.733.699.824	315.733.699.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.267.950.349)	(49.103.910.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		77.681.572.513	52.538.477.497
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	77.681.572.513	52.538.477.497
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000.000	3.750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	-	3.750.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	100.000.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		4.401.319.274	1.160.871.822
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	4.401.319.274	1.160.871.822
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.301.918.700.737</b>	<b>1.306.071.834.578</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.173.854.253.873</b>	<b>1.190.968.964.558</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.151.844.679</b>	<b>121.142.963.480</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	16.731.218.305	15.017.346.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	42.289.240.909	46.432.561.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.319.486.544	4.687.298.353
4. Phải trả người lao động	314		1.804.537.500	1.642.449.097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	-	182.045.424
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	28.180.515.232	28.193.843.057
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	1.529.770.212	17.539.414.673
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	12.008.249.028	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.288.826.949	7.448.005.282
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.062.702.409.194</b>	<b>1.069.826.001.078</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	1.061.356.532.559	1.068.196.714.163
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	687.700.000	737.700.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	658.176.635	891.586.915
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>128.064.446.864</b>	<b>115.102.870.020</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>128.064.446.864</b>	<b>115.102.870.020</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.999.920.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.999.920.000	80.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(50.000)	(50.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.064.576.864	35.102.920.020
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		5.688.005.020	1.153.027.752
- LNST chưa phân phối kì này	421b		22.376.571.844	33.949.892.268
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.301.918.700.737</b>	<b>1.306.071.834.578</b>

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lựu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh



Lê Thanh Tùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	137.841.508.333	181.195.897.031
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	137.841.508.333	181.195.897.031
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	117.500.810.715	155.897.299.800
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>20.340.697.618</b>	<b>25.298.597.231</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	45.540.830.847	53.978.492.193
7. Chi phí tài chính	22	6.4	839.618.114	234.435.633
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>584.191.077</i>	<i>128.959.656</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	16.639.783.997	19.408.796.476
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>48.402.126.354</b>	<b>59.633.857.315</b>
11. Thu nhập khác	31		663.896.122	2.091.042.451
12. Chi phí khác	32		-	107.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>663.896.122</b>	<b>1.984.042.451</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>49.066.022.476</b>	<b>61.617.899.766</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	6.689.476.632	11.668.017.498
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>42.376.545.844</b>	<b>49.949.882.268</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.7</b>	<b>4.551</b>	<b>8.825</b>

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh



Lê Thanh Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.066.022.476	61.617.899.766
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		15.207.525.392	15.030.130.585
- Các khoản dự phòng	03		(866.184.334)	(925.951.542)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.845.219)	(5.475.977)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(43.756.301.076)	(53.732.518.661)
- Chi phí lãi vay	06		584.191.077	128.959.656
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		20.206.408.316	22.113.043.827
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.874.079.055)	(22.170.603.733)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.947.417.702	259.086.765
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.971.960.234)	28.228.686.122
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.218.706.910)	(544.249.533)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(584.191.077)	(128.959.656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.468.017.498)	10.917.583.147
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	352.240.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.574.178.333)	(1.450.921.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(14.537.307.089)</b>	<b>37.575.905.439</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(28.579.441.274)	(20.415.344.019)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		430.485.842	24.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	(203.785.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		123.804.000.000	114.835.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.237.500.000	41.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		50.347.570.511	53.156.487.746
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>56.240.115.079</b>	<b>(14.934.310.818)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		98.409.583.781	52.361.360.371
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(86.401.334.753)	(52.361.360.371)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.979.839.000)	(24.990.595.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(31.971.589.972)</b>	<b>(24.990.595.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>9.731.218.018</b>	<b>(2.349.000.379)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>12.179.651.996</b>	<b>14.523.176.398</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.845.219	5.475.977
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>21.939.715.233</b>	<b>12.179.651.996</b>

Người lập

Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 3 năm 2022



Lê Thanh Tùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021 là: 99.999.920.000 VND (*Chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng*), được chia thành 9.999.992 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 104 người (tại ngày 31/12/2020 là: 115 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bưu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyên giao (BOT), Xây dựng - chuyên giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyên giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng;

Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đường bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty giảm so với năm 2020. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty thuộc diện được gia hạn nộp thuế GTGT, TNDN và tiền thuê đất trong năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ. Ngoài ra, Công ty được miễn giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính Phủ, Công ty thuộc diện được miễn giảm 30% tiền thuế TNDN năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.

**1.6 Cấu trúc Công ty**

**Đơn vị trực thuộc:** Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 03 đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ, mã số chi nhánh
1	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hồ Chí Minh	10 L đường số 1, khu dân cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-017
2	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO – CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298 – 018
3	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hà Nội	Căn hộ số 19 Tầng 15 Tòa C2 Khu Căn hộ D'. Capitale thuộc Khu Đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-019

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	08 - 10
Tài sản khác	05 - 10

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

- Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

- Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, Doanh thu kinh doanh Khu công nghiệp và Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

*Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**THUYẾT-MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

*Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty thuộc diện được miễn giảm 30% tiền thuế TNDN năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.029.898.314	2.961.507.970
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.909.816.919	9.218.144.026
<b>Tổng</b>	<b>21.939.715.233</b>	<b>12.179.651.996</b>

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	10.676.000.000	20.551.300.000	-	10.676.000.000	14.786.260.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>20.551.300.000</b>	<b>-</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>14.786.260.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>566.196.000.000</b>	<b>566.196.000.000</b>	<b>690.000.000.000</b>	<b>690.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia- Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	30.196.000.000	30.196.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Đồng Nai	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - Chi nhánh Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Vũng tàu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thủ dầu Một	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	383.000.000.000	383.000.000.000	512.000.000.000	512.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (i)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>666.196.000.000</b>	<b>666.196.000.000</b>	<b>690.000.000.000</b>	<b>690.000.000.000</b>
<i>Trong đó: Đầu tư tài chính dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đầu tư mua trái phiếu do Công ty Cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC phát hành như sau:

- Nghị quyết số-06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Nguồn vốn, giá trị đầu tư: Sử dụng một phần tiền nhận rồi đang gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, tối đa không vượt quá 300 tỷ VND để đầu tư; Kỳ hạn trái phiếu: Tối đa 2 năm; Lãi suất trái phiếu: 10%/năm; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm.

- Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng Quản trị gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty Cổ phần Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDFCH21231; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ hành phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Hợp đồng số 40/2021/ĐMTP/IDTCH2123001 ngày 10/6/2021 về việc đặt mua trái phiếu giữa Công ty Cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO.

- Giấy xác nhận ngày 10/6/2021 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt về việc đã hoàn tất việc đặt cọc mua trái phiếu với số tiền thanh toán là 100.000.000.000 VND.

**5.4 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	10.847.629.080	-
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	8.656.310.644	8.035.125.345
Công ty TNHH may Thiên Kim	10.817.743.600	10.537.743.600
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	15.324.392.401	10.712.667.895
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Quận 12	4.090.076.900	4.090.076.900
Các đối tượng còn lại	3.993.174.900	3.805.663.210
<b>Tổng</b>	<b>53.729.327.525</b>	<b>37.181.276.950</b>
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>19.503.939.724</i>	<i>8.035.125.345</i>

**5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	18.651.110.856	21.532.935.504
Các đối tượng còn lại	4.350.035.680	4.055.396.570
<b>Tổng</b>	<b>23.001.146.536</b>	<b>25.588.332.074</b>
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>18.651.110.856</i>	<i>21.532.935.504</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Lãi dự thu các ngân hàng và lãi cho vay	15.480.364.838	-	25.707.004.502	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	1.067.600.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	225.890.000	-	211.600.000	-
Tạm ứng	3.847.759.700	-	346.756.100	-
Phải thu khác	8.919.310.783	(176.053.897)	4.428.041.093	(176.053.897)
<b>Tổng</b>	<b>28.473.325.321</b>	<b>(176.053.897)</b>	<b>31.761.001.695</b>	<b>(176.053.897)</b>
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>372.356.721</i>	<i>-</i>	<i>4.215.956.721</i>	<i>-</i>

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	102.384.934	-	102.384.934	-
Công ty Cổ phần thép Quatron	-	-	632.774.054	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	129.407.703	-	129.407.703	-
Các đối tượng còn lại	648.106.068	-	648.106.068	-
<b>Tổng</b>	<b>879.898.705</b>	<b>-</b>	<b>1.512.672.759</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>	<i>Dưới 6 tháng -1 năm</i>	<i>Từ 1-2 năm</i>	<i>Từ 2-3 năm</i>	<i>Trên 3 năm</i>
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	-	-	-	102.384.934
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	-	-	-	129.407.703
Các đối tượng còn lại	-	-	-	648.106.068



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.906.957	-	8.533.164	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.174.820.793	-	47.086.786.084	-
Hàng hóa	26.358.298	-	63.184.502	-
<b>Tổng</b>	<b>35.211.086.048</b>	<b>-</b>	<b>47.158.503.750</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	63.579.363	85.319.905
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.579.363	85.319.905
	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.401.319.274</b>	<b>1.160.871.822</b>
Công cụ dụng cụ	520.897.623	822.253.536
Chi phí sửa chữa	217.203.802	303.055.536
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.663.217.849	35.562.750
<b>Tổng</b>	<b>4.464.898.637</b>	<b>1.246.191.727</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>4.687.298.353</b>	<b>16.311.051.997</b>	<b>18.678.863.806</b>	<b>2.319.486.544</b>
Thuế GTGT	351.849.352	2.897.212.124	2.421.914.823	827.146.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.968.017.498	6.689.476.632	9.468.017.498	1.189.476.632
Thuế thu nhập cá nhân	367.431.503	879.324.011	943.892.255	302.863.259
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	5.732.201.785	5.732.201.785	-
Các loại thuế khác	-	112.837.445	112.837.445	-
<b>Phải thu</b>	<b>267.371.255</b>	-	<b>223.016.186</b>	<b>44.355.069</b>
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	222.879.033	-	222.879.033	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.492.222	-	137.153	44.355.069

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2021	169.812.630.015	16.926.162.654	6.881.021.492	198.354.547	1.237.404.610	195.055.573.318
Tăng trong năm	535.662.654	836.363.636	1.908.690.968	155.629.000	-	3.436.346.258
Mua trong năm	535.662.654	836.363.636	1.908.690.968	155.629.000	-	3.436.346.258
Giảm trong năm	3.003.411.000	-	-	-	-	3.003.411.000
Thanh lý nhượng bán	3.003.411.000	-	-	-	-	3.003.411.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>167.344.881.669</b>	<b>17.762.526.290</b>	<b>8.789.712.460</b>	<b>353.983.547</b>	<b>1.237.404.610</b>	<b>195.488.508.576</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2021	55.829.917.299	5.502.193.115	3.757.697.572	120.449.748	1.237.404.610	66.447.662.344
Tăng trong năm	7.870.662.034	1.388.235.430	729.041.940	55.546.044	-	10.043.485.448
Khấu hao trong năm	7.870.662.034	1.388.235.430	729.041.940	55.546.044	-	10.043.485.448
Giảm trong năm	788.395.387	-	-	-	-	788.395.387
Thanh lý nhượng bán	788.395.387	-	-	-	-	788.395.387
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>62.912.183.946</b>	<b>6.890.428.545</b>	<b>4.486.739.512</b>	<b>175.995.792</b>	<b>1.237.404.610</b>	<b>75.702.752.405</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2021	113.982.712.716	11.423.969.539	3.123.323.920	77.904.799	-	128.607.910.974
Tại ngày 31/12/2021	104.432.697.723	10.872.097.745	4.302.972.948	177.987.755	-	119.785.756.171

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 42.018.651 VND (tại ngày 31/12/2020 là 126.649.769 VND).

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 22.148.316.927 VND (tại ngày 31/12/2020 là 17.875.109.546 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.12 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	51.344.488.700	226.997.454	264.162.213.670	315.733.699.824
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>51.344.488.700</b>	<b>226.997.454</b>	<b>264.162.213.670</b>	<b>315.733.699.824</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	-	92.331.269	49.011.579.136	49.103.910.405
Tăng trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Khấu hao trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>98.486.297</b>	<b>54.169.464.052</b>	<b>54.267.950.349</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	51.344.488.700	134.666.185	215.150.634.534	266.629.789.419
Tại ngày 31/12/2021	51.344.488.700	128.511.157	209.992.749.618	261.465.749.475

Tài sản cố định vô hình khác ghi nhận giá trị chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của công trình hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	8.720.464.607	13.741.878.207
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.174.679.505	17.036.679.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	21.347.480.301	627.552.472
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	292.909.091	292.909.091
Dự án Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 6.500m <sup>3</sup> /ngày đêm	153.463.000	153.463.000
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	27.588.126.748	19.618.390.678
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	2.404.449.261	1.067.604.544
<b>Tổng</b>	<b>77.681.572.513</b>	<b>52.538.477.497</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,

Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)		Tăng giảm trong năm		01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc hợp lý	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Số lượng	Giá gốc hợp lý	Giá Dự phòng
Đối tượng đầu tư									
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC (i)			-	-	-	3.750.000.000	375.000	3.750.000.000	-
<b>Tổng</b>						<b>3.750.000.000</b>	<b>375.000</b>	<b>3.750.000.000</b>	

(i) Tại ngày 31/12/2021, Giá trị đầu tư vào Công ty này là 0 VND do Công ty đã thực hiện thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty này trong năm 2021.

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Phan Y Nguyễn	3.056.901.054	3.056.901.054	1.305.348.097	1.305.348.097
Công ty CP xây dựng TM và GNVN Hoàng Quân	324.254.907	324.254.907	1.132.574.907	1.132.574.907
Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng BMT	1.790.499.396	1.790.499.396	2.858.987.879	2.858.987.879
Các đối tượng còn lại	9.785.796.616	9.785.796.616	7.946.668.928	7.946.668.928
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.731.218.305</b>	<b>16.731.218.305</b>	<b>15.017.346.143</b>	<b>15.017.346.143</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.18 Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công trình trạm xử lý nước thải khu nhà vườn Thủ Thừa	-	11.082.533
Công trình đường và HTTN khu tái định cư Thủ Thừa	-	50.962.891
Công trình nâng cấp mở rộng Đường Lã Xuân Oai	-	120.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>182.045.424</b>

**5.19 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.529.770.212</b>	<b>17.539.414.673</b>
Kinh phí công đoàn	40.061.615	77.673.576
Bảo hiểm xã hội	6.011.972	6.011.972
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	682.161.564	16.651.031.564
Các khoản phải trả khác	715.535.061	718.697.561
<b>b) Dài hạn</b>	<b>687.700.000</b>	<b>737.700.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	687.700.000	737.700.000
<b>Tổng</b>	<b>2.217.470.212</b>	<b>18.277.114.673</b>

*Trong đó: Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan  
(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

- 11.802.560.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.20 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>28.180.515.232</b>	<b>28.193.843.057</b>
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	11.188.763.940	11.188.763.940
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	5.918.023.376	5.918.023.376
Các đối tượng còn lại nhờ hơn 10%	11.073.727.916	11.087.055.741
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.061.356.532.559</b>	<b>1.068.196.714.163</b>
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	444.262.767.485	455.451.531.425
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	235.448.964.729	241.366.988.105
Các đối tượng còn lại nhờ hơn 10%	381.644.800.345	371.378.194.633
<b>Tổng</b>	<b>1.089.537.047.791</b>	<b>1.096.390.557.220</b>

Doanh thu nhận trước liên quan đến các hợp đồng cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Doanh thu thuê đất hàng năm sẽ tính toán và ghi nhận vào doanh thu cho thuê trong năm theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở thời gian cho thuê đất trên hợp đồng. Thời gian khai thác của dự án kéo dài đến ngày 09/10/2062.

**5.21 Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Khu nhà ở xã hội 334 Nguyễn An Ninh	658.176.635	658.176.635
Gói thầu XL03-Hệ thống thoát nước QL1A	-	233.410.280
<b>Tổng</b>	<b>658.176.635</b>	<b>891.586.915</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.22 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	-	17.367.150.217	32.852.278.678	100.219.428.895
Tăng trong năm	30.000.000.000	-	-	49.949.882.268	79.949.882.268
Lãi trong năm trước	-	-	-	49.949.882.268	49.949.882.268
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận để lại tái đầu tư	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>50.000</b>	<b>17.367.150.217</b>	<b>47.699.240.926</b>	<b>65.066.441.143</b>
Do chuyển sang tăng vốn điều lệ	-	-	17.367.150.217	12.632.849.783	30.000.000.000
Xử lý cổ phiếu lẻ khi tăng vốn điều lệ	-	50.000	-	-	50.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	3.306.401.143	3.306.401.143
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	760.000.000	760.000.000
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (i)	-	-	-	15.999.990.000	15.999.990.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>(50.000)</b>	<b>-</b>	<b>35.102.920.020</b>	<b>115.102.870.020</b>
Số dư tại ngày 01/01/2021	80.000.000.000	(50.000)	-	35.102.920.020	115.102.870.020
Tăng trong năm	19.999.920.000	-	-	42.376.545.844	62.376.465.844
Lãi trong năm nay	-	-	-	42.376.545.844	42.376.545.844
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	19.999.920.000	-	-	-	19.999.920.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>49.414.889.000</b>	<b>49.414.889.000</b>
Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu (i)	-	-	-	19.999.920.000	19.999.920.000
Trích quỹ thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	1.415.000.000	1.415.000.000
Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền - đợt 2(i)	-	-	-	7.999.995.000	7.999.995.000
Tạm ứng cổ tức năm 2021 (ii)	-	-	-	19.999.974.000	19.999.974.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>99.999.920.000</b>	<b>(50.000)</b>	<b>-</b>	<b>28.064.576.864</b>	<b>128.064.446.864</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Trích quỹ thưởng Ban Điều hành với số tiền là 1.415.000.000 VND.

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30%/vốn điều lệ, Công ty đã tạm ứng 20% trong năm 2020, còn phải 10% Công ty đã có Thông báo số 178/TB-CT ngày 05/5/2021 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 - đợt 2 bằng tiền là ngày 18/5/2021.

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%/vốn điều lệ, tương ứng 1.999.992 cổ phiếu, tương ứng số tiền là 19.999.920.000 VND.

(ii) Công ty thực hiện tạm chia cổ tức theo Nghị quyết 12/NQ-CT ngày 05/10/2021 của Hội đồng Quản trị và Thông báo số 26/TB-CT ngày 03/11/2021 của Hội đồng Quản trị về việc chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2021: 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng).

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	51%	5.100.000	51.000.000.000	51%	4.080.000	40.800.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	49%	4.899.992	48.999.920.000	49%	3.920.000	39.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>9.999.992</b>	<b>99.999.920.000</b>	<b>100%</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	19.999.920.000	30.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>99.999.920.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
<i>Cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2019</i>	-	15.000.000.000
<i>Quỹ KTPL, Ban Điều hành thuộc LNST năm 2019</i>	-	4.066.401.143
<i>Cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2020</i>	27.999.915.000	15.999.990.000
<i>Tạm ứng cổ tức đã chia thuộc LNST năm 2021</i>	19.999.974.000	-
<i>Quỹ KTPL, Ban Điều hành LNST năm 2020</i>	1.415.000.000	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.992	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.992	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.999.987	7.999.995
Cổ phiếu quỹ	5	5
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.987	7.999.995
Cổ phiếu phổ thông	9.999.987	7.999.995
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>137.841.508.333</b>	<b>181.195.897.031</b>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	6.334.420.282	17.899.609.802
Doanh thu kinh doanh khu công nghiệp	50.406.153.802	51.875.956.257
Doanh thu hợp đồng xây dựng	81.100.934.249	111.420.330.972
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần (a)-(b)</b>	<b>137.841.508.333</b>	<b>181.195.897.031</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	10.234.963.990	20.097.375.729
Giá vốn kinh doanh khu công nghiệp	29.908.349.951	28.973.530.223
Giá vốn hợp đồng xây dựng	77.357.496.774	106.826.393.848
<b>Tổng</b>	<b>117.500.810.715</b>	<b>155.897.299.800</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.610.730.847	44.535.653.206
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	6.487.500.000	5.857.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.442.600.000	3.416.320.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	169.018.987
<b>Tổng</b>	<b>45.540.830.847</b>	<b>53.978.492.193</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	584.191.077	128.959.656
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	226.581.818	100.000.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.845.219	5.475.977
<b>Tổng</b>	<b>839.618.114</b>	<b>234.435.633</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	11.642.079.574	12.672.185.219
Chi phí đồ dùng văn phòng	345.991.414	300.967.608
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.987.283.054	2.272.813.274
Thuế phí và lệ phí	65.554.009	108.640.939
Chi phí dự phòng	(632.774.054)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.484.667	918.870.207
Chi phí bằng tiền khác	2.553.165.333	3.135.319.229
<b>Tổng</b>	<b>16.639.783.997</b>	<b>19.408.796.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.066.022.476	61.617.899.766
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>158.553.471</i>	<i>138.507.723</i>
Chi phí không được trừ	158.553.471	138.507.723
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.442.600.000</i>	<i>3.416.320.000</i>
Thu nhập từ nhận cổ tức	1.442.600.000	3.416.320.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>47.781.975.947</b>	<b>58.340.087.489</b>
Thu nhập từ hoạt động SXKD	31.877.440.516	43.896.228.389
Thu nhập từ hoạt động cho thuê hạ tầng KCN	15.904.535.431	14.443.859.100
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.556.395.189</b>	<b>11.668.017.498</b>
Thuế TNDN giảm theo NĐ92/2021 ngày 27/10/2021(i)	2.866.918.557	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.689.476.632</b>	<b>11.668.017.498</b>

(i) Công ty thuộc diện được miễn giảm 30% tiền thuế TNDN năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.376.545.844	49.949.882.268
Trích quỹ thưởng ban điều hành (i)	(2.935.309.169)	(1.415.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.441.236.675	48.534.882.268
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.666.659	5.499.999
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.551</b>	<b>8.825</b>

(i) Theo Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty trích quỹ thưởng Ban Điều hành là 1.415.000.000 đồng. Quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2021 được ước tính dựa theo kế hoạch phân chia lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 2.935.39.169 đồng (trong đó: 300.000.000 đồng là hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và 2.635.309,169 đồng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được trích thêm 20% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

**Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:**

Công ty xác định lại số trích quỹ thưởng Ban Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với số tiền là 1.415.000.000 VND đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2021 của Công ty. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 tăng từ 8.174 VND lên 8.825 VND, chênh lệch tăng 651 đồng. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Năm 2020		
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.949.882.268	49.949.882.268	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	(4.994.988.227)	(1.415.000.000)	3.579.988.227
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.954.894.041	48.534.882.268	3.579.988.227
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.499.999	5.499.999	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>8.174</b>	<b>8.825</b>	<b>651</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.402.944.113	59.104.077.506
Chi phí nhân công	21.966.852.490	20.608.097.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.207.525.392	15.622.081.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.011.503.480	79.612.452.987
Chi phí khác bằng tiền	8.107.370.862	11.392.861.011
<b>Tổng</b>	<b>148.696.196.337</b>	<b>186.339.570.563</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Phát triển KCN và Đô thị Thủ thừa IDICO - CONAC	Đầu tư khác	IDTT
15	Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	Liên quan khác	AHCV
16	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat	Cổ đông lớn	HAYAT
17	Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	
18	Ông Nguyễn Hồng Hải	Nguyên Thành viên HĐQT	
19	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
20	Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT Ch.trách	
21	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên HĐQT	
22	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	
23	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	
24	Ông Nguyễn Tuyền Chiêu	Thành viên BKS	
25	Ông Trần Quang Duy	Thành viên BKS	
26	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	
27	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc	
28	Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc	
29	Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT	
30	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**b1) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	386.000.000	220.500.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Nguyên Thành viên HĐQT	82.000.000	78.500.000
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT Ch.trách	713.318.917	567.485.228
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	78.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>1.331.318.917</b>	<b>938.485.228</b>

**b2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	123.000.000	114.500.000
Ông Nguyễn Tuyên Chiêu	Thành viên BKS	363.726.746	344.804.655
Ông Trần Quang Duy	Thành viên BKS	81.000.000	93.500.000
<b>Tổng</b>		<b>567.726.746</b>	<b>552.804.655</b>

**b3) Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	701.097.381	586.846.307
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc	670.213.500	567.354.371
Ông Trần Thanh Kiên	Phó Giám đốc	673.987.582	580.100.700
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT	682.670.019	592.812.182
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	614.437.132	515.104.106
<b>Tổng</b>		<b>3.342.405.614</b>	<b>2.842.217.666</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**c) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Giao dịch mua</b>			
IDICO - LINCO	Mua vật tư	18.502.620.879	45.768.881.230
AHCV	Giá trị xây lắp	2.730.104.623	8.021.564.968
IDTT	Mua vật tư	12.467.016.256	35.974.574.429
		3.305.500.000	1.772.741.833
<b>Giao dịch bán</b>			
AHCV	Bán vật tư và dịch vụ	<b>63.750.785.663</b>	<b>49.605.413.621</b>
IDTT	Cung cấp dịch vụ	5.088.642.909	15.619.579.716
	Giá trị xây lắp	158.460.909	126.650.909
	Các khoản khác	58.331.625.962	33.570.639.825
		172.055.883	288.543.171
<b>Chia cổ tức</b>			
IDICO	Cổ tức đã chia	<b>20.684.480.000</b>	<b>22.717.460.000</b>
	Tạm ứng cổ tức 20%	4.080.000.000	7.500.000.000
AHCV	Tạm ứng cổ tức 20%	10.200.000.000	8.160.000.000
Hayat	Cổ tức đã chia	30.000.000	-
	Tạm ứng cổ tức 20%	1.821.280.000	3.414.900.000
		4.553.200.000	3.642.560.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>			
IDTT	Trái phiếu có kỳ hạn	<b>100.000.000.000</b>	-
		100.000.000.000	-
<b>Cổ tức được nhận</b>			
IDICO - IDI		<b>1.067.600.000</b>	<b>1.067.600.000</b>
		1.067.600.000	1.067.600.000

**d) Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
AHCV	<b>19.503.939.724</b>	<b>8.035.125.345</b>
IDTT	8.656.310.644	8.035.125.345
	10.847.629.080	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
AHCV	<b>18.651.110.856</b>	<b>21.532.935.504</b>
	18.651.110.856	21.532.935.504
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>		
IDICO - IDI	<b>372.356.721</b>	<b>4.215.956.721</b>
AHCV	-	1.067.600.000
	372.356.721	3.148.356.721
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
IDTT	-	<b>9.539.684.587</b>
	-	9.539.684.587
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
IDICO	-	<b>11.802.560.000</b>
Hayat	-	8.160.000.000
	-	3.642.560.000
<b>Phải thu đầu tư dài hạn</b>		
IDTT	<b>100.000.000.000</b>	-
	100.000.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, Xây lắp và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

**a) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh dịch vụ KCN</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Tổng</b>
Tổng doanh thu	111.420.330.972	51.875.956.257	17.899.609.802	181.195.897.031
Giá vốn hàng bán	(106.826.393.848)	(28.973.530.223)	(20.097.375.729)	(155.897.299.800)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(19.408.796.476)
Doanh thu hoạt động tài chính				53.978.492.193
Chi phí tài chính				(234.435.633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				59.633.857.315
Thu nhập khác				1.984.042.451
Lợi nhuận kế toán trước thuế				61.617.899.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(11.668.017.498)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>49.949.882.268</b>

**b) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2021**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh dịch vụ KCN</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	330.200.713.918	65.036.986.475	395.237.700.393
Xây dựng cơ bản dở dang	-	15.590.498.223	36.947.979.274	52.538.477.497
Các khoản phải thu	49.800.455.284	11.873.549.656	31.343.933.020	93.017.937.960
Hàng tồn kho	46.977.104.266	109.681.818	71.717.666	47.158.503.750
Tài sản không thể phân bổ				718.119.214.978
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.306.071.834.578</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	62.589.490.394	1.097.217.557.220	31.161.916.944	1.190.968.964.558
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.190.968.964.558</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**c) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	81.100.934.249	50.406.153.802	6.334.420.282	137.841.508.333
Giá vốn hàng bán	(77.357.496.774)	(29.908.349.951)	(10.234.963.990)	(117.500.810.715)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(16.639.783.997)
Doanh thu hoạt động tài chính				45.540.830.847
Chi phí tài chính				(839.618.114)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				48.402.126.354
Lợi nhuận khác				663.896.122
Lợi nhuận kế toán trước thuế				49.066.022.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(6.689.476.632)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>42.376.545.844</b>

**d) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	319.799.467.196	61.452.038.450	381.251.505.646
Xây dựng cơ bản dở dang	-	32.625.857.169	45.055.715.344	77.681.572.513
Các khoản phải thu	63.290.537.534	12.078.559.506	28.954.803.637	104.323.900.677
Hàng tồn kho	32.800.407.575	2.374.413.218	36.265.255	35.211.086.048
Tài sản không thể phân bổ				703.450.635.853
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.301.918.700.737</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	57.549.706.157	1.090.310.747.791	13.985.550.897	1.161.846.004.845
Phải trả tiền vay	12.008.249.028	-	-	12.008.249.028
Nợ phải trả không phân bổ				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.173.854.253.873</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

**Nguyễn Thị Lựu**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



**Lê Thanh Tùng**

